

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

NGÀNH
QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Business Administration)

Mã số: 8340101

VĨNH LONG, 8/2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

**CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

NGÀNH
QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Business Administration)

Mã số: 8340101

VĨNH LONG, 8/2021

MỤC LỤC

Trang

Phần I: MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc xây dựng Chương trình đào tạo.....	1
2. Căn cứ xây dựng Chương trình đào tạo	2
Phần II: NỘI DUNG.....	4
1. Mục tiêu đào tạo.....	4
1.1. Mục tiêu chung	4
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	4
2. Chuẩn đầu ra	5
3. Thời gian đào tạo	10
4. Khối lượng kiến thức	10
5. Đối tượng tuyển sinh.....	10
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	10
7. Thang điểm	10
8. Nội dung chương trình.....	12
9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần	18
10. Danh sách đội ngũ giảng viên.....	25
11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập	28
12. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	37

PHỤ LỤC

- Đề cương chi tiết học phần
- Phiếu khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên, nhà khoa học, nhà tuyển dụng.
- Biên bản họp thống nhất thông qua CTĐT của Hội đồng KH&ĐT Khoa chuyên môn
- Biên bản Hội thảo CTĐT Ths QTKD tại Đại học Cửu Long.

Phần I: MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc xây dựng Chương trình đào tạo (CTĐT)

Thực tế tuyển sinh cho thấy ngành Quản trị kinh doanh thuộc một trong 10 ngành thu hút nhiều thí sinh nhất trong gần 300 ngành học có tổ chức tuyển sinh, và cũng một trong 10 ngành nghề thu hút thị trường lao động việc làm. Các thăm dò trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng chỉ ra một số ngành nghề nóng nhất hiện nay là ngành Quản trị kinh doanh. Nhiều chuyên gia tuyển sinh cho rằng dù thời gian qua, nền kinh tế khó khăn, nhiều đơn vị phải cắt giảm nhân sự, tuy nhiên điều này không làm ngành Quản trị kinh doanh mất đi sự hấp dẫn, vẫn thu hút thí sinh, đặc biệt là thí sinh khá, giỏi. Xu hướng thí sinh tiếp tục chọn ngành này là do nhu cầu nhân lực có chất lượng của các ngành này vẫn còn rất lớn.

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Cửu Long là một trong những chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp. Với nội dung, phương pháp giảng dạy hiện đại, đề cao tính tương tác thông qua giải quyết tình huống cụ thể phát sinh trong kinh doanh, giúp học viên lĩnh hội nền tảng kiến thức cốt lõi về quản trị, nắm bắt bí quyết làm chủ kỹ năng quản lý, điều hành, tạo tầm nhìn tiếp cận cơ hội kinh doanh hiệu quả.

Do đó, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế luôn là nhu cầu cấp bách. Xây dựng nhân lực chất lượng cao là xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia, có trình độ chuyên môn, có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp khoa học, xây dựng đội ngũ doanh nhân quản lý doanh nghiệp, có khả năng tổ chức, khả năng cạnh tranh. Đồng thời, đây cũng sẽ là những nhân lực để giảng dạy và đào tạo ra nhân lực là các cử nhân.

Như vậy, xét ở tầm vi mô, ngành Quản trị kinh doanh, trình độ Thạc sĩ là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội, nhu cầu của người học, của thị trường lao động, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao luôn được coi là nhân tố quyết định cho sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, trong thế giới hiện đại, khi

chuyển dần sang nền kinh tế chủ yếu dựa trên tri thức và trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng thể hiện vai trò quyết định của nó. Vì vậy, mỗi một cá nhân, mỗi một người học luôn có nhu cầu tự phát triển của bản thân, không ngừng học hỏi, học lên cao để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Như vậy, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là các Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của đất nước.

2. Căn cứ xây dựng CTĐT

- Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10-10-2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT- BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT- BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT- BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/ TT - BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04-4-2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

- Căn cứ Thông báo 65/TB-ĐHCL ngày 04/2/2021 của Trường ĐH Cửu Long về việc Kế hoạch điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Căn cứ Thông báo ĐHCL ngày 14/4/2021 của Trường ĐH Cửu Long về việc cập nhật, điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Căn cứ nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao của vùng ĐBSCL trong Quản trị doanh nghiệp để phục vụ cho chiến lược phát triển công ty trong thời kỳ hội nhập là rất cần thiết. Đồng thời, việc đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là nhiệm vụ cơ bản của Trường Đại Học Cửu Long trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp nối cho các thế hệ sinh viên đã qua đào tạo đại học tại Trường cũng như là các thế hệ sinh viên của các Trường Đại học khác.

- Căn cứ kết quả thống kê khảo sát lấy ý kiến của cựu học viên, các doanh nghiệp tuyển dụng, nhà khoa học đầu ngành.

- Căn cứ các chương trình đào tạo thạc sĩ của các cơ sở đào tạo khác mà tổ rà soát chương trình đã tham khảo:

- CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, <http://sdh.neu.edu.vn>

- CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, <https://sdh.ueh.edu.vn>

- CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Wollongong, Úc, <https://documents.uow.edu.au/handbook/vr2018/pg/H 18008040.html>

Phần II: NỘI DUNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên chương trình: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Business Administration)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Mã ngành: 8340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ – DCL, ngày... tháng... năm 201... của Hiệu trưởng trường Đại học Cửu Long)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cho học viên có kiến thức chuyên sâu và hiện đại để theo đuổi nghề nghiệp trong định hướng nghiên cứu ngành quản trị kinh doanh, có tư duy, năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc theo nhóm; có thể hình thành ý tưởng khoa học và có thể tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu thực tiễn của công việc quản lý trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Ngoài ra, hình thành kỹ năng phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới, có thể thích ứng trong môi trường làm việc hiện đại của các tổ chức kinh tế và tập đoàn đa quốc gia.

1.2 Mục tiêu cụ thể

a. Xây dựng nền tảng vững chắc về nguyên lý, công cụ, phương pháp để xác lập cơ sở khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh cho học viên có dự định học tiếp lên trình độ Tiến sĩ.

b. Phát triển cho người học năng lực tư duy, hoạt động độc lập và năng lực phối hợp hoạt động theo nhóm, có phong cách làm việc chuyên nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.

c. Rèn luyện cho người học có tầm nhìn sâu rộng và có kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

d. Xây dựng cho người học có tinh thần đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

e. Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành quản trị kinh doanh trong những bối cảnh khác nhau. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý, giải quyết những vấn đề kinh doanh quy mô địa phương, khu vực vùng miền và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra

Học viên chuyên ngành thạc sĩ Quản trị kinh doanh khi tốt nghiệp có các kiến thức và năng lực sau: *(Thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

2.1 Về Kiến thức:

2.1.1 Phần kiến thức chung:

a. Người học vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận triết học vào việc nhận thức và giải quyết vấn đề đặt ra trong học tập và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

b. Vận dụng được các kiến thức tiếng Anh đầu vào tương đương trình độ bậc 3/6 (B1) và tiếng Anh đầu ra tương đương trình độ bậc 4/6 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2.1.2 Phần kiến thức cơ sở:

a. Nắm vững và vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên sâu về kinh tế và khoa học quản trị.

b. Vận dụng được kiến thức và nguyên lý về công cụ và phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý, có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ Tiến sĩ.

2.1.3 Phần kiến thức chuyên ngành:

a. Vận dụng sáng tạo những kiến thức chuyên sâu về nguyên lý quản trị chiến lược, quản trị điều hành; lãnh đạo và quản trị công ty trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

b. Nắm vững và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức về quản trị để đảm nhận và hoàn thành tốt các vị trí quản lý quan trọng trong các tổ chức kinh tế và tập đoàn đa quốc gia.

2.2. Về Kỹ năng:

2.2.1 Kỹ năng cứng:

a. Phân tích vấn đề một cách logic, hệ thống, toàn cục, trong mối tương tác giữa các vấn đề với nhau và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý trong môi trường kinh doanh hiện đại.

b. Phát triển được khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới, có thể thích ứng trong môi trường làm việc hiện đại.

c. Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích để có thể thu thập và xử lý thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định quản trị hiệu quả.

2.2.2 Kỹ năng mềm:

a. Vận dụng được kỹ năng Tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong công việc.

b. Xây dựng, lãnh đạo, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm.

2.3 Thái độ/ Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Trung thực, cầu tiến, chủ động cập nhật các kiến thức khoa học hiện đại để vận dụng trong công việc.

b. Thực hành đúng chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

c. Phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh thực tiễn.

2.4 Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn

Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.5 Danh sách các ngành gần

Ngành đúng/phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành gần (học bổ sung kiến thức)	Ngành khác (học bổ sung kiến thức)
Quản trị kinh doanh; Kinh doanh và Quản lý; Marketing; Quản trị du lịch; Quản trị nhà hàng khách sạn; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản lý công nghiệp	Kế toán; Kiểm toán; Kinh tế ngoại thương; Kinh tế du lịch; Tài chính; Ngân hàng; Chứng khoán; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế tài nguyên và môi trường; Kinh tế thủy sản; Kinh tế thương mại; Kinh tế kế hoạch đầu tư và các ngành kinh tế khác mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế	Khối ngành Khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; Khối ngành Khoa học xã hội và Nhân văn

2.6 Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

BẢNG MA TRẬN MỐI LIÊN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Trình độ: Thạc sĩ

A. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)														
	Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)					Thái độ (2.3)			Ngoại ngữ (2.4)
	Kiến thức chung		Kiến thức cơ sở		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm					
	a	b	a	b	a	b	a	b	c	a	b	a	b	c	
a	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
b		X	X		X	X	X	X			X	X		X	X
c		X	X	X	X	X	X	X	X					X	X
d	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X
e	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X

Ghi chú: x: thể hiện mối quan hệ

3. Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

4. Khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ

4.1 Kiến thức chung

04 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc

04 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn

00 tín chỉ

4.2 Kiến thức cơ sở ngành

10 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc

10 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn

00 tín chỉ

4.3 Kiến thức chuyên ngành

34 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc

16 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn

18 tín chỉ

4.4 Luận văn tốt nghiệp

12 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển sinh trên toàn quốc, người học đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi; người đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi; người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định của quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo).

Hình thức tuyển sinh: kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Tuyển sinh sẽ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định theo hình thức tuyển sinh nào cho phù hợp tình hình.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT của của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Thang điểm: Điểm 10, đổi thành điểm chữ A, B, C, D, E, F và điểm hệ số 4, 3, 2, 1, 0 theo tín chỉ.

8. Nội dung chương trình:

TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP học trước	Học kỳ thực hiện
Khối kiến thức chung									
1	51100002	Triết học	4	x		60			HK1
Cộng: 4 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
2	55220019	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	x		45			HK1
3	55220020	Kinh tế học quản lý	3	x		30			HK1
4	55220021	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh	2	x		30			HK1
5	55220022	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	2	x		30			HK1
Cộng: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
6	55220023	Quản trị Marketing toàn cầu	2	x		30			HK1
7	55220028	Quản trị chiến lược trong kinh doanh	2	x		30			HK2
8	55220031	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2		x	30			HK2
9	55220032	Quản trị chuỗi cung ứng	2		x	30			HK2
10	55220033	Chuyên đề Quản trị dự án	2	x		30			HK2
11	55220034	Chuyên đề Quản trị sản xuất và tác nghiệp	2	x		30			HK2
12	55220050	Chuyên đề Đề cương luận văn	2	x		30			HK3
13	55220035	Chuyên đề Định giá doanh nghiệp	2	x		30			HK2
14	55220036	Chuyên đề Kinh doanh nông nghiệp	2	x		30			HK2
15	55220037	Chuyên đề Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	x		30			HK2
16	55220038	Quản trị thương hiệu nâng cao	2		x	30			HK3
17	55220039	Quản trị sự thay đổi nâng cao	2		x	30			HK3
18	55220040	Quản trị tài chính nâng cao	2		x	30			
19	55220041	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế	2		x	30			HK3

20	55220049	Sáp nhập và mua lại công ty	2		x	30			
21	55220042	Quản trị chất lượng sản phẩm nâng cao	2		x	30			HK3
22	55220043	Kiểm soát quản trị công ty	2		x	30			HK3
23	55220044	Đạo đức trong kinh doanh	2		x	30			
24	55220045	Hành vi tổ chức nâng cao	2		x	30			
25		Quản trị rủi ro nâng cao	2		x	30			HK3
26	55220047	Thống kê và dự báo trong kinh doanh	2		x	30			HK3
27	55220048	Quản trị kinh doanh quốc tế	2		x	30			
Cộng: 34 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 18 TC)									
28	55220051	-Luận văn tốt nghiệp	12		x				
Tổng cộng: 60 TC (Bắt buộc: 42 TC; Tự chọn: 18 TC)									

A. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

HỌC PHẦN			Chuẩn đầu ra (2)															
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)						Thái độ (2.3)			Ngoại ngữ (2.4)
			Kiến thức chung		Kiến thức cơ sở		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm						
			a	b	a	b	a	b	a	b	c	a	b	a	b	c		
Kiến thức chung																		
1	51100002	Triết học	X		X		X		X			X	X	X				
Kiến thức cơ sở																		
2	55220019	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh			X	X				X	X							
3	55220020	Kinh tế học quản lý			X	X	X	X	X	X	X		X	X				
4	55220021	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh			X	X	X	X	X	X	X		X			X		
5	55220022	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế					X	X	X	X	X		X	X		X		
Kiến thức chuyên ngành																		
6	55220023	Quản trị Marketing toàn cầu					X	X	X	X	X		X	X		X		
7	55220028	Quản trị chiến lược trong kinh doanh					X	X	X		X		X	X	X			
8	55220031	Quản trị đổi mới và sáng tạo			X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		
9	55220032	Quản trị chuỗi cung ứng					X	X	X	X	X		X	X	X	X		
10	55220033	Chuyên đề Quản trị dự án					X	X	X	X	X		X	X	X	X		
11	55220034	Chuyên đề Quản trị sản xuất và tác nghiệp					X	X	X		X		X	X	X			
12	55220050	Chuyên đề Đề cương luận văn					X	X	X	X	X		X	X	X	X		
13	55220035	Chuyên đề Định giá doanh nghiệp					X	X	X	X	X		X			X		
14	55220036	Chuyên đề Kinh doanh nông nghiệp					X	X	X	X	X		X	X	X	X		

15	55220037	Chuyên đề Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp					X	X	X	X	X	X	X	X		X	
16	55220038	Quản trị thương hiệu nâng cao					X	X	X	X	X	X				X	
17	55220039	Quản trị sự thay đổi nâng cao					X	X	X	X	X	X	X			X	
18	55220040	Quản trị tài chính nâng cao					X	X	X	X	X	X	X			X	
19	55220041	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế					X	X	X	X		X				X	
20	55220049	Sáp nhập và mua lại công ty					X	X	X	X	X	X	X			X	
21	55220042	Quản trị chất lượng sản phẩm nâng cao			X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		
22	55220043	Kiểm soát quản trị công ty					X	X	X	X	X	X	X			X	
23	55220044	Đạo đức trong kinh doanh					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
24	55220045	Hành vi tổ chức nâng cao					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
25		Quản trị rủi ro nâng cao					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
26	55220047	Thống kê và dự báo trong kinh doanh					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
27	55220048	Quản trị kinh doanh quốc tế					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
28	55220051	Luận văn tốt nghiệp					X	X	X	X	X	X	X			X	X

Ghi chú: x: thể hiện mối quan hệ cụ thể

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

9.1 Triết học

4 TC

Học phần học trước: Không

- Ở bậc học thạc sĩ, học viên sẽ được học các chương chuyên sâu; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng bằng việc chỉ ra nội dung cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong lịch sử. Sử dụng phương pháp nghiên cứu phổ biến, tức là phương pháp biện chứng duy vật. Đó là hệ thống lý luận được hình thành trên cơ sở các nguyên lý, qui luật và phạm trù của phép biện chứng duy vật. Phương pháp này đòi hỏi tính khách quan của sự xem xét, tính toàn diện, nguyên tắc phát triển, tính thống nhất giữa lô-gic và lịch sử.

9.2 Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

3 TC

Học phần học trước: Không

Phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, hướng dẫn học viên cách thức viết đề cương và báo cáo kết quả nghiên cứu, hiểu rõ bản chất và các bước tiến hành nghiên cứu. Học phần nghiên cứu các đặc điểm cơ bản của lịch sử phát triển khoa học, các xu thế phát triển chủ yếu của khoa học và công nghệ hiện đại, nội dung cơ bản của nghiên cứu khoa học, các phương pháp thường sử dụng trong các nghiên cứu về xã hội, trình tự nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp chủ đạo của học phần là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử với những nguyên tắc, quan điểm được vận dụng cho từng chương, từng phần cụ thể.

9.3 Kinh tế học quản lý

3 TC

Học phần học trước: Không

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó, học viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo. Giới thiệu một số khái niệm cơ bản về Kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn.

9.4 Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh

2 TC

Học phần học trước: Không

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức về phân tích thống kê áp dụng trong phân tích kinh doanh cũng như phân tích kinh tế. Các phương pháp phân tích thống kê nâng cao như phân tích nhân tố, phân tích tương ứng và phân tích phân biệt cũng được đưa vào môn học nhằm trang bị cho người học những công cụ phân tích hiệu quả trong phân tích định lượng liên quan đến phân tích thị trường, quản trị và phân tích kinh tế.

9.5 Quản trị nguồn nhân lực quốc tế

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

Học phần Quản trị nguồn nhân lực nâng cao sẽ giúp học viên hiểu được những kiến thức chuyên sâu và những kỹ năng để quản trị nguồn nhân lực. Học viên có thể tuyển dụng nhân viên mới; đào tạo, phát triển, đánh giá kết quả làm việc và trả công cho người lao động; và duy trì một môi trường làm việc tốt cho người lao động và việc tăng năng suất lao động của công ty. Với hiểu biết đầy đủ về quản trị nguồn nhân lực, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực khác trong một tổ chức.

9.6 Quản trị Marketing toàn cầu

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về hoạt động marketing trên thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó phân tích và lựa chọn chiến lược cũng như lập kế hoạch marketing phù hợp cho doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Hiểu và phân biệt các khái niệm kinh doanh quốc tế, toàn cầu hóa, chiến lược kinh doanh quốc tế. Những kiến thức cơ bản về marketing quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Hiểu được các khái niệm cũng như các thuật ngữ trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Nhận biết các phương thức thâm nhập thị trường thế giới của các công ty đa quốc gia, công ty toàn cầu. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức khoa học và kinh nghiệm thực tế về marketing quốc tế. Phân tích, đánh giá môi trường marketing quốc tế để lựa chọn quốc gia đầu tư. Xác định các phương thức thâm nhập thị trường thế giới. Hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược marketing quốc tế.

9.7 Quản trị chiến lược trong kinh doanh

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: Hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức căn bản về quản trị nói chung và kiến thức chuyên sâu trong quản lý doanh nghiệp nói riêng. Xây dựng và phân tích, đánh giá được các chiến lược, kế hoạch bán hàng, marketing, quản trị nhân sự,... cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

9.8 Quản trị đổi mới và sáng tạo

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần bao hàm các kiến thức về Quản trị đổi mới và sáng tạo, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức Cơ bản về khái niệm đổi mới, sáng tạo và các mô hình đổi mới trong kinh doanh. Học phần bao gồm những chủ đề chính có liên quan đến quản trị quá trình đổi mới sáng tạo cũng như chuyển giao sự đổi mới. Phương pháp giảng dạy được áp dụng trong môn học là sự kết hợp giữa báo cáo chuyên đề/thảo luận tình huống (case study) trên lớp, bài tập cá nhân và nhóm.

9.9 Quản trị chuỗi cung ứng

2 TC

Học phần học trước: Không

Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp học viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

9.10 Chuyên đề Quản trị dự án

2 TC

Học phần học trước: Không

Chuyên đề giúp cho học viên phân biệt được các dự án, thẩm định và quản trị dự án phát triển, xác định dòng đời của dự án phát triển, phân tích xác định cấu trúc của dự án phát triển,

phân tích được tính khả thi, khả năng tài chính và tài trợ. Học viên có khả năng phân tích, đưa ra ý tưởng, lên kế hoạch và quản lý các hoạt động trong việc xây dựng được các dự án kinh doanh. Học phần sẽ trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về dự án kinh doanh và hoạt động quản trị dự án kinh doanh. Trình tự các bước cũng như nội dung liên quan đến dự án, bên cạnh đó học phần cũng trang bị những kiến thức liên quan đến nghiên cứu tài chính và nghiên cứu kinh tế xã hội, môi trường của dự án kinh doanh.

9.11 Chuyên đề Quản trị sản xuất và tác nghiệp

2 TC

Học phần học trước: Không

Sản xuất là một hoạt động luôn biến đổi một cách nhanh chóng nhằm ngày càng đáp ứng nhiều hơn ngày càng rất đa dạng của thị trường. Sự thay đổi của các công nghệ sản xuất, việc áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin, thành tựu của cơ khí hóa, tự động hóa đã ảnh hưởng rất lớn đến phong cách quản lý của doanh nghiệp sản xuất. Các doanh nghiệp cũng cần phải tính toán lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng, mua sắm vật tư, kiểm tra kiểm soát tồn kho, lập tiến độ sản xuất,... Bất kể doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm đơn giản hay phức tạp. Mục tiêu của môn học này nhằm giới thiệu học viên nắm những vấn đề cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình quản trị sản xuất. Thêm vào đó, học phần sẽ đi sâu hướng dẫn cho học viên cách quản trị kết quả của một dự án sản xuất. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn cho học viên cách phân tích, đánh giá và hoạch định năng lực doanh nghiệp, dựa trên những kiến thức về quản trị năng lực trong vận hành và chuỗi cung ứng.

9.12 Chuyên đề Đề cương luận văn

2 TC

Đề cương luận văn là nền tảng khoa học nhằm xây dựng kế hoạch, định hướng nghiên cứu để hoàn thành công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra.

9.13 Chuyên đề Định giá doanh nghiệp

2 TC

Học phần học trước: Không

Nội dung chính của học phần này là giới thiệu các phương pháp định giá doanh nghiệp được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam và trên thế giới. Học phần này được cấu trúc các nội dung như từng phương pháp định giá, phương pháp chiết khấu dòng tiền doanh nghiệp và lợi nhuận kinh tế. Ngoài ra, thông qua việc nghiên cứu các trường hợp điển hình, học phần này sẽ giúp

người học vận dụng tốt các phương pháp định giá doanh nghiệp vào thực tiễn, phù hợp với mục đích, yêu cầu công việc của mình.

9.14 Chuyên đề Kinh doanh nông nghiệp

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan thị trường nông sản của Việt Nam và Thế giới. Học viên được tiếp cận và trao đổi về những kiến thức liên quan hợp tác xã nông nghiệp cũng như việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Ngoài ra, môn học còn giúp học viên tìm hiểu, nhận dạng rủi ro do biến động giá trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp và tiếp cận với phương pháp quản lý rủi ro về giá của nông sản kinh doanh qua các công cụ quản lý hiện đại.

9.15 Chuyên đề Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nền tảng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cách thức cụ thể để thể hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng. Cơ hội trải nghiệm thực tế việc đóng góp năng lực học thuật và kỹ năng thực hành của bản thân để hỗ trợ cộng đồng trong các nhu cầu thực của họ. Kiến thức của chuyên đề giúp học viên biết hệ thống về vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phân tích được nhu cầu cộng đồng và tầm trọng của sự đóng góp dù nhỏ nhất của mình cho xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững, gia tăng năng lực làm việc theo nhóm và lãnh đạo và phát huy năng lực thích nghi với những điều kiện mới.

9.16 Quản trị thương hiệu nâng cao

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực quản trị thương hiệu, giúp học viên làm quen với các khái niệm, các thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về ngành quản trị thương hiệu. Sau khi học môn này học viên sẽ: nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu; nắm được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu (tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu); hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thương hiệu.

9.17 Quản trị sự thay đổi nâng cao

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần này cung cấp và trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về thay đổi và phát triển trong tổ chức. Các nội dung chính của học phần gồm tổng quan về thay đổi và phát triển, các bước tiến hành thay đổi, quản trị sự thay đổi để chủ động phát triển, tái lập – con đường thay đổi để phát triển các doanh nghiệp, tạo ra sự liên tục thay đổi để phát triển. Nội dung ở chương 1 sẽ tập trung khái quát về sự thay đổi và phát triển, phân biệt các quan điểm phát triển. Nội dung ở chương 2 sẽ giới thiệu các bước tiến hành thay đổi doanh nghiệp. Nội dung ở chương 3 sẽ tập trung nhận diện các nhân tố tác động đến thay đổi và lập kế hoạch thay đổi. Nội dung chương 4 sẽ giới thiệu các đặc trưng và kỹ năng tái lập doanh nghiệp. Nội dung chương 5 sẽ làm rõ các đặc trưng cơ bản của người lãnh đạo liên tục thay đổi.

9.18 Quản trị tài chính nâng cao

2 TC

Học phần học trước: Không

Phân tích các báo cáo tài chính. Giá trị thời gian của tiền tệ. Định giá sản phẩm tài chính. Phân tích tài chính dự án, lợi nhuận và rủi ro. Chi phí sử dụng vốn. Hệ thống tài chính trong doanh nghiệp được ví như hệ thống tuần hoàn máu trong cơ thể nuôi tất cả các bộ phận và toàn thể. Tài chính có thể nằm dưới dạng tiền, vật tư, nguyên liệu, tài sản phát sinh lúc hình thành nguồn vốn hoặc trong quá trình hoạt động như các khoản phải thu, phải trả. Lập kế hoạch tài chính là dùng một số giả định như dự báo doanh thu, chi phí... và các báo cáo tài chính (dòng tiền, bảng cân đối, thu nhập...) vài năm trước đó để đưa ra các báo cáo tài chính trong tương lai nhằm vào các mục tiêu và ưu tiên của doanh nghiệp. Nhưng tình hình thực tế thay đổi rất nhanh nên để có phản ứng linh hoạt hơn ta có thể lập mô hình tài chính.

9.19 Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế

2 TC

Học phần học trước: Không

Nội dung học phần sẽ trang bị cho học viên bao gồm những kiến thức căn bản về kinh tế quốc dân và toàn cầu hóa, nền tảng lý thuyết lợi thế so sánh, công cụ chính sách ngoại thương và rào cản ngoại thương của các quốc gia đang và đã phát triển, các thỏa thuận về thương mại quốc tế và mậu dịch tự do. Xa hơn, người học còn được thực hành đánh giá và phân tích các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới về lợi thế so sánh ở nhiều cấp độ khác nhau như quốc gia, ngành, doanh nghiệp. Các liên kết kinh tế quốc tế và tác động của nó đến nền kinh tế của các quốc gia có giao thương.

9.20 Sáp nhập và mua lại công ty

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện sát nhập và mua lại công ty để đáp ứng nhu cầu mới và liên tục phát triển thị trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức quản trị công ty hậu sát nhập và mua lại sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có ý thức tự chủ, có trách nhiệm và đạo đức kinh doanh. Từ đó, rèn luyện tác phong nghiên cứu, chuyên nghiệp, tin cậy và năng động của chuyên viên thực hiện hoạt động mua lại và sát nhập.

9.21 Quản trị chất lượng sản phẩm nâng cao

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần nhằm giới thiệu cho học viên những vấn đề sau: các khái niệm cơ bản xoay quanh chất lượng sản phẩm cũng như công việc nói chung; các công cụ quản lý chất lượng; các hệ thống quản lý chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay trong các doanh nghiệp. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về các khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng; các phương pháp đo lường chất lượng; các mô hình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và hệ thống quản lý chất lượng trong nền kinh tế thị trường.

9.22 Kiểm soát quản trị công ty

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần nhằm trang bị các học viên những nền tảng vững chắc trong lĩnh vực kiểm soát quản trị công ty, những lĩnh vực nghiên cứu chính, phát triển học viên khả năng phản biện, xác định được hướng nghiên cứu mới và khả năng tự tiến hành một nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kiểm soát quản trị công ty. Đồng thời, học xong học phần này, học viên có thể thực hiện tư vấn cho các doanh nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả quản trị công ty.

9.23 Đạo đức trong kinh doanh

2 TC

Học phần học trước: Không

Môn học tập trung vào việc xây dựng nền tảng đạo đức, trách nhiệm xã hội và nhận dạng các vấn đề đạo đức trong những nền kinh tế mới nổi liên quan đến kế toán, tài chính, quản trị nhân lực, marketing, quảng cáo, môi trường và quyền sở hữu trí tuệ trong thời kỳ hội nhập của Việt Nam và toàn cầu hóa. Môn học giúp học viên hiểu được những kiến thức cơ bản các nguyên tắc đạo đức và lý thuyết cơ bản, với tư cách thành viên của xã hội hay với tư cách của một người lao động biết mình phải làm gì khi ra quyết định liên quan đến học tập cũng như công việc. Ngoài ra, môn học còn giúp học viên hiểu được những kiến thức cơ bản qua những tình huống thực tế, qua những trao đổi, thảo luận liên quan đến đạo đức kinh doanh nhằm tìm ra các giải pháp tốt nhất.

9.24 Hành vi tổ chức nâng cao

2 TC

Học phần học trước: Không

Nội dung tập vào ba khía cạnh quan trọng của hành vi tổ chức. Đó là hành vi cá nhân, hành vi nhóm và hành vi tổ chức. Các nội dung về hành vi cá nhân sẽ bao gồm cơ sở hành vi cá nhân, giá trị, thái độ và hài lòng công việc, nhận thức và ra quyết định cá nhân và các yếu tố liên quan đến động viên người lao động. Về hành vi nhóm, sẽ tập trung vào cơ sở hành vi nhóm, truyền thông và lãnh đạo trong nhóm, quyền lực và mâu thuẫn trong nhóm. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến các vấn đề liên quan đến tổ chức như cơ cấu và văn hóa tổ chức.

9.25 Quản trị rủi ro nâng cao

2 TC

Học phần học trước: Không

Môn học Quản trị rủi ro được thiết kế như là môn học chuyên ngành cho Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành QTKD. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào quản lý rủi ro tài chính cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức về các vấn đề sau đây: Nhận dạng các loại rủi ro tài chính phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh nói chung và các công cụ tài chính phái sinh trên thị trường ngoại hối nói riêng để quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Ngoài ra, còn cung cấp cho học viên bức tranh chung về thực trạng quản lý rủi ro tỷ giá, với những khó khăn và giải pháp khắc phục phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

9.26 Thống kê và dự báo trong kinh doanh

2 TC

Học phần học trước: Không

Học phần giới thiệu kiến thức về thống kê và dự báo, vai trò của thống kê và kinh tế lượng trong công tác và dự báo. Nội dung chính của học phần tập trung phân tích các kỹ thuật dự báo cơ bản phục vụ cho công tác dự báo trong kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô. Học viên được học lý thuyết và thực hành trên phần mềm STATA các mô hình dự báo đơn biến bao gồm giản đơn và nâng cao và mô hình dự báo đa biến. Học viên được rèn luyện kỹ năng thực hiện công tác thống kê và dự báo trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

9.27 Quản trị kinh doanh quốc tế

2 TC

Học phần học trước: Không

Môn học trang bị cho học viên kiến thức quản lý chiến lược và quản lý tổ chức có hiệu quả trong môi trường siêu cạnh tranh năng động trên toàn cầu, quản lý xuyên quốc gia với sự khác biệt và đa dạng về văn hóa và nhân lực toàn cầu. Trang bị cho học viên kỹ năng quản lý,

hoạch định và thực thi chiến lược kinh doanh trên thị trường toàn cầu nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng về mặt công nghệ, thương mại điện tử và các phương tiện truyền thông trong môi trường.

9.29 Luận văn tốt nghiệp

12TC

Học viên làm các đề tài luận văn tốt nghiệp liên quan đến ngành học của mình, nhằm giúp củng cố lại kiến thức và học viên có thể tự nghiên cứu độc lập hay nghiên cứu nhóm để chuẩn bị các kỹ năng khi chính thức bước vào nhận việc tại các đơn vị liên quan. Kết hợp sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho cá nhân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu phù hợp, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học, thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại buổi bảo vệ luận văn trước Hội đồng đánh giá.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên:

10.1 Giảng viên cơ hữu:

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	HỌC HÀM/HỌC VỊ	CHUYÊN MÔN	HỌC PHẦN PHỤ TRÁCH
1	Võ Phước Tấn	1954	Phó GS-Tiến sĩ, 2007	Quản lý kinh tế	Quản trị thương hiệu nâng cao Quản trị đổi mới và sáng tạo
2	Phuong Ngọc Thạch	1942	Tiến sĩ, Nga, 1979	Kinh tế	Quản trị chất lượng sản phẩm
3	Trần Hữu Hiệp	1964	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	KD và Quản lý	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế
4	Vũ Thị Minh Hiền	1954	Tiến sĩ, Việt Nam, 1991	Kinh tế thương mại	Quản trị sự thay đổi nâng cao
5	Đặng Danh Lợi	1962	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế
6	Nguyễn Kim Định	1951	Tiến sĩ, Việt Nam, 1996	Quản trị kinh doanh	Quản trị Marketing toàn cầu
7	Bùi Văn Trịnh	1957	Phó GS-Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế lao động	Kế toán quản trị
8	Đặng Văn Phan	1942	Tiến sĩ, Nga 1976	Địa lý Kinh tế	Quản trị chiến lược trong kinh doanh

					Kinh doanh nông nghiệp
9	Đặng Thị Ngọc Lan	1965	Tiến sĩ, 2005	Kinh tế	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
10	Lương Minh Cừ	1952	Phó GS-Tiến sĩ, 2006	Triết học	Triết học

10.2 Giảng viên mời giảng:

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	HỌC HÀM/HỌC VỊ	CHUYÊN MÔN	HỌC PHẦN PHỤ TRÁCH
1	Lưu Thanh Đức Hải	1964	PGS-TS	Quản trị kinh doanh	Quản trị marketing toàn cầu, Kiểm soát quản trị công ty
2	Mai Văn Nam	1964	PGS-TS	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị dự án nâng cao, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
3	Trương Đông Lộc	1972	PGS-TS	Kinh tế tài chính	Quản trị tài chính nâng cao
4	Phan Hữu Phúc	1957	Tiến sĩ	Kinh tế	Đạo đức trong kinh doanh
5	Đỗ Phú Trần Tình	1979	PGS-TS	Kinh tế	Kinh tế học quản lý
6	Ngô Mỹ Trân	1980	Tiến sĩ	Kinh tế ứng dụng	Quản trị sản xuất và tác nghiệp
7	Lưu Tiến Thuận	1973	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế
8	Trần Trọng Khuê	1952	TSKH	Kinh tế	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh
9	Huỳnh Việt Khải	1978	Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh doanh nông nghiệp

10	Ngô Quang Huân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị rủi ro tài chính
11	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS-TS	Kinh tế	Kinh tế học quản lý
12	Nguyễn Hoàng Dũng	1974	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị chuỗi cung ứng
13	Hoàng Văn Long	1977	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế
14	Phạm Ngọc Dưỡng	1969	Tiến sĩ	Kinh tế học	Quản trị Marketing toàn cầu
15	Cảnh Chí Hoàng	1977	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế
16	Nguyễn Thanh Long	1963	Tiến sĩ	Kinh tế quản lý	Quản trị chiến lược, Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
17	Ngô Nhật Phương Diễm	1978	Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán quản trị
18	Võ Hữu Phước	1974	Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh doanh nông nghiệp
19	Mai Thị Ánh Tuyết	1960	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị chuỗi cung ứng
20	Nguyễn Quang Vinh	1971	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị sản xuất và tác nghiệp
21	Lê Mai Hải	1974	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính doanh nghiệp
22	Nguyễn Văn Vẹn	1958	Tiến sĩ	Kinh tế - Quản lý	Kinh tế học quản lý, Quản trị chuỗi cung ứng
23	Nguyễn Xuân Hiệp	1966	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Kế toán quản trị, Quản trị tài chính

24	Lê Quang Khôi	1971	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị Marketing
25	Phạm Xuân Thu		Tiến sĩ		Quản trị chuỗi cung ứng, Định giá doanh nghiệp

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

11.1 Thiết bị phục vụ đào tạo:

Ngoài trang thiết bị chung của trường dành cho đào tạo bậc đại học, khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Cửu Long còn có đủ trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho đào tạo sau đại học chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. Hiện nay, khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Cửu Long đã có các phòng trang thiết bị sau:

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1	Phòng thực hành máy tính số 01			Các học phần	
1.1	Máy vi tính, Pentium IV	VN/ 2006	31		
1.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2006	1		
1.3	Swieth, Dlink	TQ/ 2006	2		
1.4	UPS, Santax	VN/ 2006	1		
1.5	Máy lạnh, Panasonic	VN/ 2006	2		
2.	Phòng máy tính số 02			Các học phần	
2.1	Máy vi tính , Pentium M	VN/ 2009	31		
2.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2009	1		
2.3	Swieth Dlink	TQ/ 2009	2		
2.4	Máy lạnh National	VN/ 2009	2		
3.	Phòng máy tính số 08			Các học phần	
3.1	Máy vi tính, Pentium IV	VN/ 2006	31		
3.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2006	1		
3.3	Swieth, Dlink	TQ/ 2006	2		
3.4	UPS, Santax	VN/ 2006	1		
3.5	Máy lạnh, Panasonic	VN/ 2006	2		
4.	Phòng máy tính số 09			Các học phần	
4.1	Máy vi tính, Pentium IV	VN/ 2006	31		
4.2	Ổn áp 30 Kva, LIOA	VN/ 2006	1		
4.3	Swieth, Dlink	TQ/ 2006	2		
4.4	UPS, Santax	VN/ 2006	1		
4.5	Máy lạnh, Panasonic	VN/ 2006	2		
5.	Phòng máy tính TV 01				

5.1	Máy vi tính Intel Core 2	VN/ 2012	30	Các học phần	
5.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
5.3	Swieth, Linksys 24 Port	TQ/ 2012	2		
5.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
6.	Phòng máy tính TV 02			Các học phần	
6.1	Máy vi tính Intel Core 2	VN/ 2012	30		
6.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
6.3	Swieth, Linksys 24 Port	TQ/ 2012	2		
6.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
7.	Phòng máy tính SDH 01			Các học phần	
7.1	Máy vi tính Intel Core i3	VN/ 2012	31		
7.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
7.3	Swieth 16 Port Linksys	TQ/ 2012	3		
7.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
7.5	Ổn áp Lioa	VN/ 2012	1		
8.	Phòng máy tính SDH 02			Các học phần	
8.1	Máy vi tính Dell Core i5	Malaysia/ 2014	31		
8.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2014	1		
8.3	Swieth Cisco	TQ/ 2014	2		
8.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2014	2		
9.	Phòng thực hành MPDN 01			Các học phần	
9.1	Máy vi tính Intel Pentium	VN/ 2010	31		
9.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2010	1		
9.3	Swieth	TQ/ 2010	2		
9.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2010	2		
9.5	Ổn áp LIOA	VN/ 2010	1		
10.	Phòng thực hành MPDN 02			Các học phần	
10.1	Máy vi tính Intel Pentium	VN/ 2012	31		
10.2	Máy chiếu Projector+ màn chiếu	TQ/ 2012	1		
10.3	Swieth D- Link	TQ/ 2012	2		
10.4	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2012	2		
10.5	Ổn áp Lioa 10 Kva	VN/ 2012	1		
10.6	UPS Santak	VN/ 2012	1		
11.	Phòng LAB 01			Các học phần	
11.1	Bộ chia hình VGA	Đức/ 2007	1		
11.2	Casette giáo viên chuyên dụng	Nhật/ 2007	1		
11.3	Hệ thống Ampli của học sinh	Nhật/ 2007	40		
11.4	Hệ thống giáo viên	Nhật/ 2007	1		
11.5	Loa	VN/ 2007	2		
11.6	Máy chiếu+ màn chiếu	TQ/ 2007	1		
11.7	Máy lạnh Panasonic	VN/ 2007	3		
11.8	Máy vi tính CRT 17"	VN/ 2007	1		
11.9	Màn hình 15"	VN/ 2007	20		

11.10	Ổn áp Lioa 3Kva	VN/ 2007	1		
12.	Phòng LAB 02				
12.1	Máy vi tính coie i5	Malaysia/ 2014	41	Các học phần	
12.2	Máy lạnh Panasonic	2014	3		
12.3	Máy chiếu Projector	TQ/ 2018	1		
12.4	Ổn áp Lioa 30 Kva	VN/ 2008	1		
12.5	Swieth Cisco	Đức/ 2014	2	Các học phần	
12.6	Tai nghe+ Web cam	TQ/ 2014	41		

11.2 Thư viện Trường:

Phòng đọc (02 phòng) với sức chứa khoảng 100 học viên, được trang bị đầy đủ máy lạnh, mạng internet và các trang thiết bị khác đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu của học viên.

Phòng tra cứu thông tin (01 phòng) được trang bị với 12 bộ máy tính tốc độ cao và các trang thiết bị hiện đại khác phục vụ tốt nhu cầu tra cứu thông tin của học viên.

STT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước và Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Incoterms ® 2010 (song ngữ Việt - Anh): những qui định pháp luật mới nhất về xuất nhập khẩu và hải quan Luật trọng tài thương mại	VN, 2010	1	Sách tham khảo
2	Bài tập và bài giải quản trị vận hành hiện đại (quản trị sản xuất và dịch vụ) (tinh huống thực hành ứng dụng của các công ty Việt Nam)	VN, 2015	1	Sách tham khảo
3	Bán hàng trong nền kinh tế ngày nay	VN, 2013	1	Sách tham khảo
4	Bất ổn kinh tế vĩ mô ở Việt Nam (sách chuyên khảo)	VN, 2013	1	Sách tham khảo
5	Bẫy thu nhập trung bình - bài học cho Việt Nam (sách tham khảo)	VN, 2014	1	Sách tham khảo
6	Các giải pháp để hoàn thiện thể chế thúc đẩy...	VN, 2013	5	Sách tham khảo
7	Các khu dịch vụ du lịch biển, đảo vùng ven biển nước ta và chiến lược phát triển bền vững đến năm	VN, 2014	1	Sách tham khảo

	2020			
8	Các Nghiệp vụ NHTM trong nền Kinh tế toàn cầu	VN, 2012	3	Sách tham khảo
9	Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới	VN, 2016	1	Sách tham khảo
10	Chiến lược cạnh tranh	VN, 2012	2	Sách tham khảo
11	Công bằng trong phân phối cơ sở để phát triển bền vững	VN, 2012	5	Sách tham khảo
12	Đại cương về chính sách công (Sách chuyên khảo)	VN, 2013	5	Sách tham khảo
13	Đầu Tư Quốc Tế	VN, 2013	8	Sách tham khảo
14	Đầu Tư Vào Vàng (Tái bản năm 2013)	VN, 2013	3	Sách tham khảo
15	Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay	VN, 2013	1	Sách tham khảo
16	Giáo trình hành vi người tiêu dùng	VN, 2014	1	Sách tham khảo
17	Giáo Trình Kế Toán Mỹ	VN, 2012	3	Sách tham khảo
18	Giáo trình kinh tế xây dựng	VN, 2012	3	Sách tham khảo
19	Giáo trình kỹ thuật kinh doanh thương mại quốc tế	VN, 2014	12	Sách tham khảo
20	Giáo trình luật kinh tế	VN, 2012	1	Sách tham khảo
21	Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	VN, 2014	3	Sách tham khảo
22	Giáo Trình Lý Thuyết Tài Chính - Tiền Tệ (Phần 2 - TB lần 3)	VN, 2012	3	Sách tham khảo
23	Giáo trình marketing du lịch	VN, 2014	1	Sách tham khảo
24	Giáo trình Marketing ngân hàng	VN, 2012	2	Sách tham khảo
25	Giáo Trình Marketing Ngân Hàng	VN, 2012	5	Sách tham khảo
26	Giáo trình nguyên lý thống kê	VN, 2012	5	Sách tham khảo

27	Giáo trình nhập môn khu vực học và Việt Nam học	VN, 2013	1	Sách tham khảo
28	Giáo trình phân tích chuỗi giá trị sản phẩm (ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp)	VN, 2016	2	Sách tham khảo
29	Giáo trình quản trị nhân lực	VN, 2014	1	Sách tham khảo
30	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	VN, 2014	1	Sách tham khảo
31	Giáo trình thương mại quốc tế	VN, 2015	1	Sách tham khảo
32	Giáo trình văn hóa du lịch	VN, 2014	2	Sách tham khảo
33	kế toán quản trị	VN, 2013	5	Sách tham khảo
34	Kinh tế học vi mô	VN, 2014	2	Sách tham khảo
35	kinh tế phát triển bài tập và bài giải	VN, 2012	5	Sách tham khảo
36	Kinh tế quốc tế (lý thuyết cơ bản và nâng cao, câu hỏi trắc nghiệm, tình huống kinh tế quốc tế, anh ngữ kinh tế quốc tế) = International economics	VN, 2012	1	Sách tham khảo
37	Kinh tế quốc tế: bài tập và đáp án = International economics: problems and solutions	VN, 2012	1	Sách tham khảo
38	Kinh tế vi mô	VN, 2015	1	Sách tham khảo
39	Kinh tế vĩ mô	VN, 2015	1	Sách tham khảo
40	Kỹ năng thuyết trình	VN, 2014	1	Sách tham khảo
41	Lập kế hoạch kinh doanh thắng lợi	VN, 2015	1	Sách tham khảo
42	Lợi thế cạnh tranh quốc gia = competitive advantage	VN, 2012	1	Sách tham khảo
43	Lợi thế cạnh tranh quốc gia = The competitive advantage of nations	VN, 2012	1	Sách tham khảo

44	Luật doanh nghiệp năm 2005	VN, 2012	5	Sách tham khảo
45	Marketing 3.0	VN, 2012	1	Sách tham khảo
46	Marketing dịch vụ công	VN, 2014	1	Sách tham khảo
47	Marketing du kích trong 30 ngày	VN, 2013	1	Sách tham khảo
48	Marketing hiện đại (lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam)	VN, 2015	1	Sách tham khảo
49	Mô hình tài chính cơ bản	VN, 2013	5	Sách tham khảo
50	Mô Hình Tài Chính Cơ Bản	VN, 2013	5	Sách tham khảo
51	Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thời kỳ hậu khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu	VN, 2013	3	Sách tham khảo
52	Nâng cao lợi thế cạnh tranh	VN, 2012	5	Sách tham khảo
53	Nguyên Lý Thống Kê	VN, 2012	5	Sách tham khảo
54	Những nguyên lý và mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu (part II) = Modern corporate governance principles and models after global economic crisis	VN, 2014	1	Sách tham khảo
55	Những quy tắc trong quản lý	VN, 2012	1	Sách tham khảo
56	Những vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản đương đại	VN, 2014	3	Sách tham khảo
57	Phân tích hoạt động kinh doanh	VN, 2013	4	Sách tham khảo
58	Phân Tích Tài Chính Doanh Nghiệp (Tái bản lần 2)	VN, 2013	2	Sách tham khảo
59	Phân tích thị trường tài chính = Financial market analysis	VN, 2012	1	Sách tham khảo
60	Phát hiện nhân tài và sử dụng nhân tài	VN, 2015	1	Sách tham khảo

61	Phát triển công nghiệp nhẹ tại Việt Nam: tạo việc làm và thịnh vượng trong một nền kinh tế thu nhập trung bình	VN, 2013	1	Sách tham khảo
62	Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển	VN, 2012	3	Sách tham khảo
63	Phương tiện giao tiếp trong hoạt động quản lý	VN, 2014	1	Sách tham khảo
64	Quản lý dự án công nghiệp theo hình thức tổng thầu EPC quốc tế	VN, 2012	2	Sách tham khảo
65	quản lý rủi ro trong doanh nghiệp xây dựng	VN, 2015	1	Sách tham khảo
66	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng (resort) - lí luận và thực tiễn	VN, 2012	5	Sách tham khảo
67	Quản trị Marketing	VN, 2012	5	Sách tham khảo
68	Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại	VN, 2012	1	Sách tham khảo
69	Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn	VN, 2014	1	Sách tham khảo
70	Quản Trị Rủi Ro Ngân Hàng Trong Nền Kinh Tế Toàn Cầu	VN, 2013	2	Sách tham khảo
71	Quản trị tài chính doanh nghiệp	VN, 2012	2	Sách tham khảo
72	Quản trị thương hiệu	VN, 2014	1	Sách tham khảo
73	Tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam	VN, 2015	1	Sách tham khảo
74	Tài Chính Doanh Nghiệp	VN, 2014	3	Sách tham khảo
75	Tâm lý học quản trị kinh doanh	VN, 2012	1	Sách tham khảo
76	Thị Trường Tài Chính (Tái bản)	VN, 2012	2	Sách tham khảo
77	Thung lũng silicon và những bí mật marketing	VN, 2013	1	Sách tham khảo
78	Thương hiệu với nhà quản lý	VN, 2012	1	Sách tham khảo

79	Thương mại điện tử	VN, 2012	3	Sách tham khảo
80	Thương mại điện tử	VN, 2015	1	Sách tham khảo
81	Toán Tài Chính (Tái bản lần 3)	VN, 2012	5	Sách tham khảo
82	Tư duy chiến lược (lý thuyết trò chơi thực hành)	VN, 2015	1	Sách tham khảo
83	Văn bản pháp luật dành cho học phần luật kinh tế	VN, 2012	1	Sách tham khảo
84	Việt Nam hành trình đi đến phần vinh	VN, 2013	1	Sách tham khảo
85	Xây dựng câu lạc bộ sinh kế cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo	VN, 2014	1	Sách tham khảo
86	Essentials of Entrepreneurship and Small Business Management, 9E GE	Pearson, 2019	1	Sách tham khảo
87	Organizational Behavior, 17E GE 18E	Pearson, 2017	1	Sách tham khảo
88	Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice, 17E	Cengage, 2017	1	Sách tham khảo
89	Small Business Management, 18E	Cengage, 2017	1	Sách tham khảo
90	Organization Theory and Design, 3E	Cengage, 2017	1	Sách tham khảo
91	Rethinking Risk Management: Critically Examining Old Ideas and New Concepts	AMAZON, 2017	1	Sách tham khảo
92	Contemporary Issues in Supply Chain Management and Logistics	AMAZON, 2017	1	Sách tham khảo
93	Critical Systems Thinking and the Management of Complexity	Wiley, 2019	1	Sách tham khảo
94	Innovation, Research and Development Management	Wiley, 2018	1	Sách tham khảo
95	Entrepreneur: Building Your Business From Start to Success	Wiley, 2018	1	Sách tham khảo
96	SME Internationalization Strategies: Innovation to Conquer New Markets	Wiley, 2018	1	Sách tham khảo
97	Lean Six Sigma For Leaders: A practical guide for leaders to	Wiley, 2018	1	Sách tham khảo

	transform the way they run their organization			
98	Business-Do: The Way to Successful Leadership	Wiley, 2018	1	Sách tham khảo
99	500 câu hỏi trắc nghiệm nguyên lý kế toán	NXB ĐH Cần Thơ, 2018	1	Sách tham khảo
100	Bài tập & Bài giải nguyên lý kế toán	NXB ĐH Cần Thơ, 2018	1	Sách tham khảo
101	Bài tập và bài giải toán kinh tế	NXB ĐH Cần Thơ, 2018	1	Sách tham khảo
102	Các yếu tố về nhu cầu tín dụng vi mô của nông dân ĐBSCL, Việt Nam	NXB ĐHQG HCM, 2009	1	Sách tham khảo
103	Business cases for master of business	NXB ĐH Cần Thơ, 2015	1	Sách tham khảo
104	Giáo trình quản trị chiến lược	NXB ĐH Cần Thơ, 2015	1	Sách tham khảo
105	Giáo trình quản trị dự án phát triển	NXB Giáo dục, 2009	1	Sách tham khảo
106	Giáo trình quản trị học	NXB ĐH Cần Thơ, 2015	1	Sách tham khảo
107	Giáo trình thị trường chứng khoán	NXB ĐH Cần Thơ, 2011	1	Sách tham khảo
108	Giáo trình thuế	NXB ĐH Cần Thơ, 2017	1	Sách tham khảo
109	Giáo trình quản trị doanh nghiệp thủy sản	NXB ĐH Cần Thơ, 2012	1	Sách tham khảo
110	Giáo trình phát triển nông thôn	NXB ĐH Cần Thơ, 2016	1	Sách tham khảo Lê Tân Lợi
111	Giáo trình quản trị hệ thống mạng	NXB ĐH Cần Thơ, 2017	1	Sách tham khảo
112	Phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp ở ĐBSCL	NXB ĐH Cần Thơ, 2016	1	Sách tham khảo
113	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	NXB ĐH Cần Thơ, 2017	1	Sách tham khảo
114	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	NXB ĐH Cần Thơ, 2017	1	Sách tham khảo
115	Tình huống kinh tế học hành vi	NXB ĐH Cần Thơ, 2017	1	Sách tham khảo

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

13. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung về mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết/học trước, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của cơ sở đào tạo

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)



PGS.TS. Lương Minh Bửu